

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Tháng 03 năm 2019

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	3-4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	5-6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất	7-8
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	9
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	11-31

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH

Lô T2, Khu công nghiệp Hòa Bình, đường Phạm Văn Đồng, phường Lê Lợi, TP. Kon Tum, tỉnh Kon Tum

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh (“Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh (tên gọi cũ: Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Ne) là doanh nghiệp được tách từ Công ty Cổ phần Tấn Phát, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu Tư tỉnh Kon Tum cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty cổ phần lần đầu ngày 21/5/2014 với mã số doanh nghiệp 6101177237, đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 02/08/2017.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TRUONG THINH ENERGY INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY;

Tên viết tắt: TTE

Trụ sở chính: Tầng 3, Tòa nhà lô T2, Khu Công nghiệp Hòa Bình, đường Phạm Văn Đồng, phường Lê Lợi, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần thay đổi lần thứ năm ngày 02/08/2017 là 284.904.000.000 VND (Hai trăm tám mươi tư tỷ, chín trăm linh bốn triệu đồng).

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Quang Chung	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Ngọc Tường	Phó Chủ tịch HĐQT
Ông Lê Văn Khoa	Thành viên
Ông Nguyễn Công Thành	Thành viên
Ông Trần Văn Hải	Thành viên
Ông Nguyễn Đình Hùng	Thành viên
Ông Vũ Văn Trung	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Lê Văn Khoa	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Công Thành	Phó Tổng Giám đốc

Ban kiểm soát

Ông Hoàng Minh Sang	Trưởng ban kiểm soát
Bà Lê Thị Hạnh	Thành viên
Ông Lê Nhất Minh Xuân	Thành viên

Kế toán trưởng

Ông Hoàng Hữu Điền

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH

Lô T2, Khu công nghiệp Hòa Bình, đường Phạm Văn Đồng, phường Lê Lợi, TP. Kon Tum, tỉnh Kon Tum

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính hợp nhất không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CAM KẾT KHÁC

Ban Giám đốc cam kết tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định tại Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn Quản trị Công ty áp dụng cho các Công ty Đại chúng có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 8 năm 2017 và Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Đại diện pháp luật của Công ty,



Lê Văn Khoa
Tổng Giám đốc

Kon Tum, ngày 22 tháng 03 năm 2019

Số: 227/2019/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
Về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018
của Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh

Kính gửi: **Các Quý Cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh, được lập ngày 22 tháng 03 năm 2019, từ trang 7 đến trang 31, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2018, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

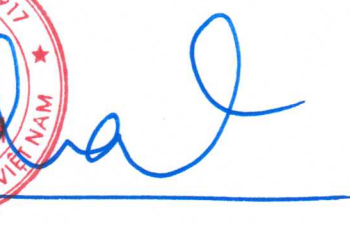
Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.




Phan Huy Thăng
Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0147-2018-137-1



Nguyễn Thị Ngọc Châm
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2980-2019-137-1

Thay mặt và đại diện
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM
Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens
Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2019

15/11/2019 10:00:15 AM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

CHỈ TIÊU	MS	TM	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		54.216.728.827	93.317.779.979
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.01	28.213.223.887	19.981.606.386
1. Tiền	111		28.213.223.887	19.981.606.386
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		25.321.014.709	63.926.775.590
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.02	20.135.073.207	39.922.233.721
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.03	3.027.587.659	13.053.979.275
3. Phải thu khác ngắn hạn	136	5.04	2.158.353.843	10.950.562.594
III. Tài sản ngắn hạn khác	150		682.490.231	9.409.398.003
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.06	682.490.231	333.174.043
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	9.074.540.299
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.09	-	1.683.661
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		973.322.602.701	1.005.698.721.829
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		226.533.000	14.699.358.255
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.04	226.533.000	14.699.358.255
II. Tài sản cố định	220	5.05	970.343.742.785	415.870.410.138
1. Tài sản cố định hữu hình	221		970.343.742.785	415.870.410.138
- Nguyên giá	222		1.147.290.405.020	550.149.462.558
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(176.946.662.235)	(134.279.052.420)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	573.905.615.216
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	573.905.615.216
IV. Tài sản dài hạn khác	260		2.752.326.916	1.223.338.220
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.06	1.938.491.952	300.385.719
2. Lợi thế thương mại	269	5.07	813.834.964	922.952.501
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.027.539.331.528	1.099.016.501.808

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

CHỈ TIÊU	MS	TM	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
A- NỢ PHẢI TRẢ	300		717.338.684.828	783.700.446.188
I. Nợ ngắn hạn	310		75.944.684.828	106.907.527.554
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.08	4.418.042.455	42.319.041.277
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.09	16.218.317.113	5.977.431.248
3. Phải trả người lao động	314		1.246.361.239	1.082.015.624
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.10	2.051.805.556	16.157.818.753
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.11	237.543.301	316.100.652
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.12	51.400.000.000	40.950.000.000
7. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		372.615.164	105.120.000
II. Nợ dài hạn	330		641.394.000.000	676.792.918.634
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.12	641.394.000.000	676.792.918.634
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		310.200.646.700	315.316.055.620
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.13	310.200.646.700	315.316.055.620
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		284.904.000.000	284.904.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		284.904.000.000	284.904.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		21.494.907.609	26.780.175.679
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		8.930.406.140	9.400.329.736
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		12.564.501.469	17.379.845.943
3. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		3.801.739.092	3.631.879.941
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.027.539.331.528	1.099.016.501.808

Kon Tum, ngày 22 tháng 03 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Đoàn Thị Ngọc Thu

Hoàng Hữu Điền

Lê Văn Khoa



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.01	147.208.165.383	121.699.611.982
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		147.208.165.383	121.699.611.982
4. Giá vốn hàng bán	11	6.02	65.119.521.759	63.431.448.441
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		82.088.643.624	58.268.163.541
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.03	50.222.668	53.386.387
7. Chi phí tài chính	22	6.04	61.119.586.999	34.101.956.693
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		61.119.586.999	34.101.956.693
8. Lãi lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25		-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.05	6.488.207.179	3.072.793.852
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		14.531.072.114	21.146.799.383
12. Thu nhập khác	31		150.610.207	11.869.054.541
13. Chi phí khác	32		551.043.983	12.977.005.019
14. Lợi nhuận khác	40		(400.433.776)	(1.107.950.478)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		14.130.638.338	20.038.848.905
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.06	1.388.740.728	2.508.263.152
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		12.741.897.610	17.530.585.753
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của công ty mẹ	61		12.564.501.469	17.379.845.943
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		177.396.141	150.739.810
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.08	432	602

Kon Tum, ngày 22 tháng 03 năm 2019

Người lập biểu

Kê toán trưởng

Tổng Giám đốc





Lê Văn Khoa

Đoàn Thị Ngọc Thu

Hoàng Hữu Điền

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2018	Năm 2017
		VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	14.130.638.338	20.038.848.905
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	43.024.203.164	28.396.380.333
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(50.222.668)	(53.246.819)
- Chi phí lãi vay	06	61.119.586.999	34.101.956.693
- Các khoản điều chỉnh khác	07	109.117.537	109.117.537
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	118.333.323.370	82.593.056.649
- Tăng các khoản phải thu	09	38.729.556.096	50.397.952.132
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(45.073.244.185)	85.337.385.650
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(1.987.422.421)	(171.623.920)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(33.963.336.998)	(3.196.831.430)
- Thuế TNDN đã nộp	15	(2.359.020.765)	(524.967.197)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(271.890.000)	(134.880.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh	20	73.407.965.097	214.300.091.884
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(23.963.692.264)	(221.495.627.120)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	150.000.000	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được	27	50.222.668	53.246.819
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(23.763.469.596)	(221.442.380.301)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	-	32.623.975.485
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(25.070.000.000)	(20.420.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(16.342.878.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(41.412.878.000)	12.203.975.485
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	8.231.617.501	5.061.687.068
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	19.981.606.386	14.919.919.318
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	28.213.223.887	19.981.606.386

Kon Tum, ngày 22 tháng 03 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Đoàn Thị Ngọc Thu

Hoàng Hữu Điền

Lê Văn Khoa

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh (tên gọi cũ: Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Ne) là doanh nghiệp được tách từ Công ty Cổ phần Tấn Phát, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu Tư tỉnh Kon Tum cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty cổ phần lần đầu ngày 21/5/2014 với mã số doanh nghiệp 6101177237, đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 02/08/2017.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TRUONG THINH ENERGY INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY;

Tên viết tắt là: TTE.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần thay đổi lần thứ năm ngày 02/08/2017 là 284.904.000.000 VND (Hai trăm tám mươi tư tỷ, chín trăm linh bốn triệu đồng).

Trụ sở chính của Công ty: Tầng 3, Tòa nhà lô T2, Khu Công nghiệp Hòa Bình, Đường Phạm Văn Đồng, Phường Lê Lợi, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum, Việt Nam.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Sản xuất, truyền tải và phân phối điện; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre nứa) và động vật sống; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (thủy lợi, điện, cấp thoát nước, viễn thông).

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2018, Công ty có 01 công ty con là Công ty TNHH Trung Việt (chiếm 98% vốn điều lệ) với hoạt động sản xuất kinh doanh chính là sản xuất, truyền tải và phân phối điện.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các văn bản pháp lý khác theo qui định của nhà nước.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các Công ty con do Công ty kiểm soát (các Công ty con) được lập cho đến ngày 31/12. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Báo cáo tài chính của các Công ty con được lập cho cùng năm tài chính với Báo cáo tài chính của Công ty, áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các Công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các Công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư tại Công ty đó.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm (theo VAS 11 – Hợp nhất kinh doanh, thời gian hữu dụng ước tính tối đa không quá 10 năm).

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản có khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và Tiền đang chuyển

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Tiền đang chuyển: Dựa vào các lệnh chuyển tiền chưa có giấy báo Nợ và giấy nộp tiền chưa có giấy báo Có

Các khoản tương đương tiền

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 sửa đổi bổ sung Thông tư 228/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên tắc kế toán về Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao cụ thể hàng năm như sau:

Tài sản cố định hữu hình	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà xưởng và vật kiến trúc	15-25
Máy móc và thiết bị	3-12
Phương tiện vận tải	6-10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Nguyên tắc kế toán chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời gian từ 01 năm trở lên. Các chi phí này được phân bổ dần vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo thời gian không quá 24 tháng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm phát sinh, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Việt nam số 16 - Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn Điều lệ thực góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận của Công ty được thực hiện theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông, quy định của Quy chế quản lý tài chính của Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày lập Báo cáo tài chính; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu bán điện được xác định và ghi nhận dựa trên sản lượng điện cung cấp (xác định theo chỉ số trên công tơ điện) và giá bán điện do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, dịch vụ bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã ghi nhận trong kỳ.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Nguyên tắc kế toán thuế Thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như các Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Người quản lý của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng Công ty chỉ có một bộ phận kinh doanh kinh doanh điện năng và một bộ phận địa lý là Việt Nam nên không lập Báo cáo bộ phận.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu B09-DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.01 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Tiền mặt	79.340.486	546.698.743
Tiền gửi ngân hàng	28.133.883.401	19.434.907.643
Cộng	28.213.223.887	19.981.606.386

5.02 Phải thu của khách hàng ngắn hạn

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Tổng công ty điện lực Miền Trung	20.078.823.207	9.728.070.557
Công ty CP Tư vấn xây dựng Tân Phước	-	30.194.163.164
Bà Võ Thị Lâm Tú	56.250.000	-
Cộng	20.135.073.207	39.922.233.721

5.03 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Công ty Cổ phần Tấn Phát-Bên liên quan	-	10.109.570.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy điện Việt Trung	-	1.337.357.000
Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư huyện Kon Rẫy	20.010.000	320.000.000
Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng huyện Kon Rẫy	598.646.002	-
Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng điện	-	231.010.000
Công ty Bảo hiểm toàn cầu Gia Lai	152.506.935	-
Ông Đỗ Văn Phồn	736.895.800	-
Các đối tượng khác	1.519.528.922	1.056.042.275
Cộng	3.027.587.659	13.053.979.275

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu B09-DN/HN

5.04 Các khoản phải thu khác

Đơn vị: VND

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	2.158.353.843	-	10.950.562.594	-
- <i>Phải thu tạm ứng</i>	<i>2.158.353.843</i>	-	<i>8.655.299.696</i>	-
Ông Hoàng Hữu Điền	17.854.487	-	84.260.000	-
Bà Nguyễn Thị Kim My	392.501.412	-	261.736.993	-
Ông Võ Quốc Vương	280.256.777	-	235.564.777	-
Ông Hồ Thanh Tiến	254.608.690	-	73.398.390	-
Ông Lê Hồ Hoàng Hà	195.312.187	-	127.312.187	-
Ông Nguyễn Văn Quân	346.747.200	-	256.959.200	-
Các đối tượng khác	621.789.020	-	228.393.748	-
<i>Bên liên quan</i>				
Ông Trần Quang Chung	-	-	175.058.000	-
Ông Lê Văn Khoa	49.284.070	-	376.808.493	-
Ông Nguyễn Công Thành	-	-	6.835.807.908	-
- <i>Phải thu khác</i>	-	-	<i>2.295.262.898</i>	-
Công Ty TNHH Nước Vin (lợi nhuận được chia 2016)	-	-	968.668.243	-
Ông Nguyễn Công Thành-Bên liên quan	-	-	1.323.257.852	-
Các đối tượng khác	-	-	3.336.803	-
Dài hạn	226.533.000	-	14.699.358.255	-
- <i>Tạm ứng</i>	<i>15.500.000</i>	-	<i>2.300.000.000</i>	-
Ông Nguyễn Công Thành - Bên liên quan	-	-	2.300.000.000	-
Ông Hồ Thanh Tiến	15.500.000	-	-	-
- <i>Phải thu khác</i>	-	-	<i>12.225.925.255</i>	-
Ông Nguyễn Công Thành - Bên liên quan	-	-	12.225.925.255	-
- <i>Ký quỹ, ký cược (thuê nhà)</i>	<i>211.033.000</i>	-	<i>173.433.000</i>	-
Cộng	2.384.886.843	-	25.649.920.849	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu B09-DN/HN

5.05 Tài sản cố định hữu hình	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại ngày 01/01/2018	542.803.120.934	636.754.545	6.586.275.987	123.311.092	550.149.462.558
Tăng trong năm	596.331.715.556	-	1.451.852.288	-	597.783.567.844
Mua trong năm	-	-	1.451.852.288	-	1.451.852.288
Đầu tư XD CB hoàn thành (*)	596.331.715.556	-	-	-	596.331.715.556
Giảm trong năm	-	-	642.625.382	-	642.625.382
Thanh lý	-	-	642.625.382	-	642.625.382
Số dư tại ngày 31/12/2018	1.139.134.836.490	636.754.545	7.395.502.893	123.311.092	1.147.290.405.020
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại ngày 01/01/2018	132.506.726.328	316.829.714	1.386.895.153	68.601.225	134.279.052.420
Tăng trong năm	41.981.440.903	104.785.949	895.730.112	34.131.487	43.016.088.451
Khấu hao trong năm	41.981.440.903	104.785.949	895.730.112	34.131.487	43.016.088.451
Giảm trong năm	-	-	348.478.636	-	348.478.636
Thanh lý	-	-	348.478.636	-	348.478.636
Số dư tại ngày 31/12/2018	174.488.167.231	421.615.663	1.934.146.629	102.732.712	176.946.662.235
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2018	410.296.394.606	319.924.831	5.199.380.834	54.709.867	415.870.410.138
Tại ngày 31/12/2018	964.646.669.259	215.138.882	5.461.356.264	20.578.380	970.343.742.785

Đơn vị: VND

(*) Nhà máy thủy điện Đắk B'la 1 với giá trị 596.331.715.556 đồng được dùng làm tài sản thế chấp cho khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Buôn Ma Thuột (chi tiết thuyết minh 5.11 Vay và nợ thuế tài chính).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu B09-DN/HN

5.06 Chi phí trả trước

	<u>31/12/2018</u> VND	<u>01/01/2018</u> VND
Chi phí trả trước ngắn hạn	682.490.231	333.174.043
Công cụ dụng cụ	368.494.457	333.174.043
Chi phí thuê nhà	105.000.000	-
Chi phí bảo hiểm	202.932.212	-
Chi phí phân bổ khác	6.063.562	-
Chi phí trả trước dài hạn	1.938.491.951	300.385.719
Công cụ dụng cụ	415.615.865	300.385.719
Chi phí sửa chữa chờ phân bổ	1.519.739.109	-
Chi phí phân bổ khác	3.136.977	-
Cộng	<u>2.620.982.183</u>	<u>633.559.762</u>

5.07 Lợi thế thương mại

	<u>31/12/2018</u> VND	<u>01/01/2018</u> VND
Lợi thế thương mại còn phân bổ	813.834.964	922.952.501
Cộng	<u>813.834.964</u>	<u>922.952.501</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu B09-DN/HN

5.08 Phải trả người bán

Đơn vị: VND

	12/31/2018		1/1/2018	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán ngắn hạn	4.418.042.455	4.418.042.455	42.319.041.277	42.319.041.277
Trung Tâm Điều Độ Hệ Thống Điện Miền Trung (A3)	549.799.516	549.799.516	41.536.000	41.536.000
Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng điện	587.171.818	587.171.818	-	-
Công ty cổ phần xây dựng thủy điện Việt Trung	401.094.000	401.094.000	-	-
Công ty Cổ phần Tấn Phát-Bên liên quan	210.000.001	210.000.001	17.945.831.780	17.945.831.780
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Xuân Tiến	-	-	4.763.047.850	4.763.047.850
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tứ Hưng	-	-	2.200.027.555	2.200.027.555
Công ty TNHH Sắt thép Nguyễn Minh	-	-	4.400.006.380	4.400.006.380
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Huy Hùng Thịnh	-	-	2.794.802.250	2.794.802.250
Công ty TNHH Dầu Tây Nam PV	-	-	3.300.013.420	3.300.013.420
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kim Nam Dung	-	-	2.178.000.000	2.178.000.000
Công ty TNHH Hưng Long	2.260.500.000	2.260.500.000	2.260.500.000	2.260.500.000
Công ty TNHH Kinh doanh Xăng dầu PETIMEX	-	-	2.139.898.035	2.139.898.035
Các đối tượng khác	409.477.120	409.477.120	295.378.007	295.378.007
Cộng	4.418.042.455	4.418.042.455	42.319.041.277	42.319.041.277

5.09 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Đơn vị: VND

Nội dung	01/01/2018		Số phát sinh trong năm		31/12/2018	
	Số phải nộp	Số phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Số phải nộp	Số phải thu
Thuế giá trị gia tăng	903.908.473	1.683.661	13.142.347.543	9.045.820.045	4.998.752.310	-
Thuế thu nhập doanh	2.771.624.488	-	1.388.740.728	2.359.020.765	1.801.344.451	-
Thuế thu nhập cá nhân	26.412.259	-	876.118.472	105.857.888	796.672.843	-
Thuế tài nguyên	1.524.572.963	-	11.656.445.673	7.554.969.605	5.626.049.031	-
Thuế nhà đất	-	-	3.468.791	3.468.791	-	-
Lệ phí môn bài	-	-	7.000.000	7.000.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	750.913.065	-	5.139.585.786	2.895.000.373	2.995.498.478	-
Cộng	5.977.431.248	1.683.661	32.213.706.993	21.971.137.467	16.218.317.113	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu B09-DN/HN

5.10 Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>31/12/2018</u> VND	<u>01/01/2018</u> VND
Chi phí lãi vay Ngân hàng TMCP Việt Á - CN Buôn Ma Thuột	2.051.805.556	16.157.818.753
Cộng	<u>2.051.805.556</u>	<u>16.157.818.753</u>

5.11 Phải trả ngắn hạn khác

	<u>31/12/2018</u> VND	<u>01/01/2018</u> VND
Tài sản thừa chờ giải quyết	15.121.741	15.121.741
Bảo hiểm xã hội	128.753.134	39.571.069
Bảo hiểm y tế	20.592.115	35.554.486
Bảo hiểm thất nghiệp	9.115.773	15.797.206
Phải trả, phải nộp khác	63.960.538	210.056.150
Cộng	<u>237.543.301</u>	<u>316.100.652</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu B09-DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

5.12 Vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị: VND

	31/12/2018		Trong năm		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn Ngân hàng (Nợ dài hạn đến hạn trả)	51.400.000.000	51.400.000.000	35.520.000.000	25.070.000.000	40.950.000.000	40.950.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - CN Kon Tum (i)	8.000.000.000	8.000.000.000	11.120.000.000	6.270.000.000	3.150.000.000	3.150.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Buôn Ma Thuột (ii)	24.000.000.000	24.000.000.000	5.000.000.000	1.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Hà Nội (iii)	19.400.000.000	19.400.000.000	19.400.000.000	17.800.000.000	17.800.000.000	17.800.000.000
Vay dài hạn	641.394.000.000	641.394.000.000	121.081.366	35.520.000.000	676.792.918.634	676.792.918.634
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - CN Kon Tum (i)	92.894.000.000	92.894.000.000	-	11.120.000.000	104.014.000.000	104.014.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Buôn Ma Thuột (ii)	370.000.000.000	370.000.000.000	-	5.000.000.000	375.000.000.000	375.000.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Hà Nội (iii)	178.500.000.000	178.500.000.000	121.081.366	19.400.000.000	197.778.918.634	197.778.918.634
Cộng	692.794.000.000	692.794.000.000	35.641.081.366	60.590.000.000	717.742.918.634	717.742.918.634

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu B09-DN/HN

- (i) - Khoản vay của ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Kon Tum, theo hợp đồng tín dụng số 5100-LAV -300900523 ngày 12 tháng 06 năm 2009 với thời hạn vay 12 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên nhằm mục đích đầu tư dự án Thủy điện Đăk Pia, theo các phụ lục hợp đồng sửa đổi tín dụng, nợ gốc bắt đầu từ ngày 25/06/2013. Khoản vay này chịu lãi suất cho vay có điều chỉnh, được tính bằng lãi suất huy động bằng Đồng Việt Nam, 12 tháng (lãi trả sau) của Ngân hàng NN và PTNT - CN Kon Tum, cộng 3%/năm, tối đa bằng lãi suất trần theo quy định của Nhà nước Việt Nam. Lãi suất được điều chỉnh tối đa 03 tháng 01 lần. Khoản vay này được bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay là toàn bộ giá trị công trình thủy điện Đăk Pia.
- Khoản vay của Ngân hàng NN & PTNT Việt Nam - Chi nhánh Kon Tum là khoản vay dài hạn bằng VND theo Hợp đồng Tín dụng số 01/2016/HĐTTD-TV ngày 28/12/2016 với thời hạn cho vay là 144 tháng, kể từ ngày ký hợp đồng, với mục đích sử dụng để thanh toán chi phí mua lại toàn bộ Nhà máy thủy điện Tà Vi theo Hợp đồng chuyển nhượng Nhà máy thủy điện Tà Vi số 01/2016/HĐCN/NV-ĐN ngày 04/11/2016 giữa Công ty CP thủy điện Đăk Ne và Công ty TNHH Nước Vin. Khoản vay chịu lãi suất theo hình thức thả nổi được điều chỉnh tối đa 3 tháng 1 lần. Kỳ hạn trả nợ gốc và lãi là 6 tháng/lần kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là 100% giá trị Công trình Nhà máy thủy điện Tà Vi tại thôn 1 xã Trà Giác, huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam.
- (ii) Khoản vay dài hạn của Ngân hàng Việt Á - Chi nhánh Buôn Ma thuật (VAB) theo hợp đồng tín dụng số 600-29/15/VAB/HĐTĐHDN ngày 15 tháng 5 năm 2015 với thời hạn 14 năm kể từ ngày 15/05/2015 đến ngày 15/05/2029, mục đích vay để đầu tư xây dựng nhà máy thủy điện Đak Bla 1. Lãi suất được áp dụng theo lãi suất thông báo của ngân hàng tại thời điểm giải ngân và được ghi trên từng giấy nhận nợ cụ thể. Thời hạn trả nợ gốc bắt đầu từ ngày 15/05/2018. Ngày 31/12/2016 hai bên có ký phụ lục sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng số 600-29/15/VAB/HĐTĐHDH-PL01 với việc điều chỉnh số tiền cho vay lên 395.000.000.000 đồng. Thời gian vay không thay đổi, chỉ được ân hạn nợ gốc là 24 tháng kể từ ngày Bên vay nhận tiền vay lần đầu (Trong thời gian 02 năm xây dựng).
- Tài sản đảm bảo cho khoản vay trên bao gồm tài sản hình thành từ vốn vay là toàn bộ tài sản gắn liền với đất thuộc Dự án đầu tư nhà máy thủy điện Đăk Bla 1 và toàn bộ máy móc thiết bị thuộc Dự án đầu tư Nhà máy Thủy điện Đăk Bla (Thuyết minh 5.01). Quyền tài sản phát sinh từ việc đầu tư Dự án đầu tư Nhà máy Thủy điện Đăk Bla 1.Bao gồm: Quyền phát sinh từ các khoản phải thu theo hợp đồng mua bán điện, Quyền phát sinh từ các nguồn thu có được từ việc thực hiện Cơ chế phát triển sạch (CDM), Quyền phát sinh từ việc khai thác nguồn tài nguyên thiên nhiên.
- (iii) Khoản vay của Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Hà Nội là khoản vay dài hạn bằng VND theo Hợp đồng Tín dụng số 031-14/HĐTĐH ngày 31/12/2014 với thời hạn vay 144 tháng nhằm mục đích tái tài trợ và sửa chữa Nhà máy thủy điện ĐăkNe. Lãi suất vay là lãi biến động và kỳ điều chỉnh được quy định trên từng giấy nhận nợ, lãi suất áp dụng theo thông báo của VAB tại thời điểm giải ngân và được ghi trên từng giấy nhận nợ cụ thể. Công ty sử dụng toàn bộ giá trị Nhà máy thủy điện ĐăkNe để thế chấp cho khoản vay này.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu B09-DN/HN

5.13 Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư tại 01/01/2017	284.904.000.000	11.226.794.431	3.481.140.131	299.611.934.562
Tăng trong năm	-	17.379.845.943	150.739.810	17.530.585.753
Lợi nhuận tăng trong năm	-	17.379.845.943	150.739.810	17.530.585.753
Giảm trong năm	-	1.826.464.695	-	1.826.464.695
Trích lập các quỹ	-	240.000.000	-	240.000.000
Giảm khác	-	1.586.464.695	-	1.586.464.695
Số dư tại 31/12/2017	284.904.000.000	26.780.175.679	3.631.879.941	315.316.055.620
Số dư tại 01/01/2018	284.904.000.000	26.780.175.679	3.631.879.941	315.316.055.620
Tăng trong năm	-	12.564.501.469	177.396.141	12.741.897.610
Lợi nhuận tăng trong năm	-	12.564.501.469	177.396.141	12.741.897.610
Giảm trong năm	-	17.849.769.540	7.536.990	17.857.306.530
Trích lập các quỹ	-	634.448.174	7.536.990	641.985.164
Chia cổ tức	-	17.094.240.000	-	17.094.240.000
Giảm khác	-	121.081.366	-	121.081.366
Số dư tại 31/12/2018	284.904.000.000	21.494.907.609	3.801.739.092	310.200.646.700

b. Chi tiết vốn đầu tư của Chủ sở hữu

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, số vốn thực góp của các cổ đông như sau:

	31/12/2018		01/01/2018	
	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
Các cổ đông góp vốn	28.490.400	100,00%	28.490.400	100,00%
Cộng	28.490.400	100,00%	28.490.400	100,00%

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Vốn góp tại đầu năm	284.904.000.000	284.904.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	284.904.000.000	284.904.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia, trích lập các quỹ	17.728.688.174	240.000.000

d. Cổ phiếu

	31/12/2018	01/01/2018
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	28.490.400	28.490.400
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	28.490.400	28.490.400
Cổ phiếu phổ thông	28.490.400	28.490.400
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	28.490.400	28.490.400
Cổ phiếu phổ thông	28.490.400	28.490.400
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.01 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Doanh thu bán điện	147.208.165.383	94.250.372.742
Doanh thu bán vật tư	-	27.449.239.240
Cộng	147.208.165.383	121.699.611.982

6.02 Giá vốn hàng bán

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Giá vốn bán điện	65.119.521.759	41.580.270.723
Giá vốn bán vật tư	-	21.851.177.718
Cộng	65.119.521.759	63.431.448.441

6.03 Doanh thu tài chính

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi tiền gửi	50.222.668	53.386.387
Cộng	50.222.668	53.386.387

6.04 Chi phí tài chính

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi tiền vay	61.119.586.999	34.101.956.693
Cộng	61.119.586.999	34.101.956.693

6.05 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.963.583.705	1.169.756.294
Chi phí đồ dùng văn phòng	159.018.612	205.397.467
Chi phí khấu hao TSCĐ	421.405.452	528.766.738
Thuế phí và lệ phí	77.538.024	44.347.016
Chi phí dịch vụ mua ngoài	71.867.715	1.015.408.800
Chi phí bằng tiền khác	2.794.793.671	109.117.537
Cộng	6.488.207.179	3.072.793.852

6.06 Chi phí thuế TNDN

	Năm 2018 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	14.130.638.338
Điều chỉnh tăng các chi phí không được trừ	537.529.237
Các khoản điều chỉnh hợp nhất	109.117.537
Thu nhập chịu thuế	14.777.285.112
Thu nhập chịu thuế suất 10%	9.137.101.809
Thu nhập chịu thuế suất 20%	5.640.183.303
Thuế TNDN phải nộp	1.845.595.819
Thuế TNDN phải nộp 10%	913.710.181
Thuế TNDN phải nộp 20%	931.885.638
Thuế TNDN được miễn, giảm	456.855.091
Thuế TNDN phải nộp	1.388.740.728

6.07 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	159.018.612	102.459.091
Chi phí nhân công	5.963.791.581	4.392.953.532
Chi phí khấu hao tài sản cố định	42.960.571.655	28.741.238.583
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.211.382.344	8.435.478.271
Chi phí khác bằng tiền	5.312.964.746	2.874.538.726
Cộng	71.607.728.938	44.546.668.203

6.08 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lợi nhuận phân phối cho công ty mẹ	12.564.501.469	17.379.845.943
Trích quỹ Khen thưởng phúc lợi	265.135.642	240.000.000
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	12.299.365.827	17.139.845.943
Số cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ	28.490.400	28.490.400
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	432	602

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu B09-DN/HN

7. THÔNG TIN KHÁC**7.1 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

7.2 Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan*Danh sách các bên liên quan:*

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Tấn Phát	Cùng thành viên HĐQT
Thành viên Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc Công ty	Quản lý chủ chốt

Giao dịch với các bên liên quan

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Mua hàng và dịch vụ		
Công ty Cổ phần Tấn Phát	18.074.740.874	115.618.055.427

Số dư với các bên liên quan

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Nợ phải thu khác (TK 138)		
Ông Nguyễn Công Thành	-	13.549.183.107
Phải thu tạm ứng (TK 141)		
Ông Trần Quang Chung	-	175.058.000
Ông Lê Văn Khoa	49.284.070	376.808.493
Ông Nguyễn Công Thành	-	6.835.807.908
Phải trả khác (TK 338)		
Ông Nguyễn Ngọc Tường	-	4.500.000
Ông Lê Văn Khoa	-	4.500.000
Phải trả người bán (Dư có TK 331)		
Công ty Cổ phần Tấn Phát	210.000.001	17.945.831.780
Trả trước cho người bán (Dư Nợ TK 331)		
Công ty Cổ phần Tấn Phát	-	10.109.570.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu B09-DN/HN

7.3 Công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	12/31/2018 VND	1/1/2018 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	28.213.223.887	19.981.606.386
Phải thu khách hàng và phải thu khác	22.519.960.050	65.572.154.570
Đầu tư dài hạn khác	-	-
Tổng cộng	50.733.183.937	85.553.760.956
Nợ phải trả tài chính		
Các khoản vay	692.794.000.000	717.742.918.634
Phải trả người bán và phải trả khác	4.655.585.756	42.635.141.929
Chi phí phải trả	2.051.805.556	16.157.818.753
Tổng cộng	699.501.391.312	776.535.879.316

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán, do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua của các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi có khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục tiêu quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu B09-DN/HN

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã thoả thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và công nợ tài chính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả:

Tài sản tài chính	31/12/2018		
	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	28.213.223.887	-	28.213.223.887
Phải thu khách hàng và phải thu khác	22.293.427.050	226.533.000	22.519.960.050
Cộng	50.506.650.937	226.533.000	50.733.183.937
Nợ phải trả tài chính			
Các khoản vay	51.400.000.000	641.394.000.000	692.794.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	4.655.585.756	-	4.655.585.756
Chi phí phải trả	2.822.545.833	-	2.822.545.833
Công nợ khác	19.889.099.072	-	19.889.099.072
Cộng	78.767.230.661	641.394.000.000	720.161.230.661
Chênh lệch thanh khoản thuần	(28.260.579.724)	(641.167.467.000)	(669.428.046.724)

7.4 Thông tin so sánh

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 được lấy từ Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán quốc tế Moore Stephens.

Kon Tum, ngày 22 tháng 03 năm 2019

Người lập biểu

Đoàn Thị Ngọc Thu

Kế toán trưởng

Hoàng Hữu Điền

Tổng Giám đốc



Lê Văn Khoa